

QUẢN TRỊ DỮ LIỆU: XUNG ĐỘT LỢI ÍCH, BẤT BÌNH ĐẲNG VÀ KIẾN NGHỊ

ThS. Lê Quang Đức Anh, TS. Hồ Mạnh Tùng

Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam



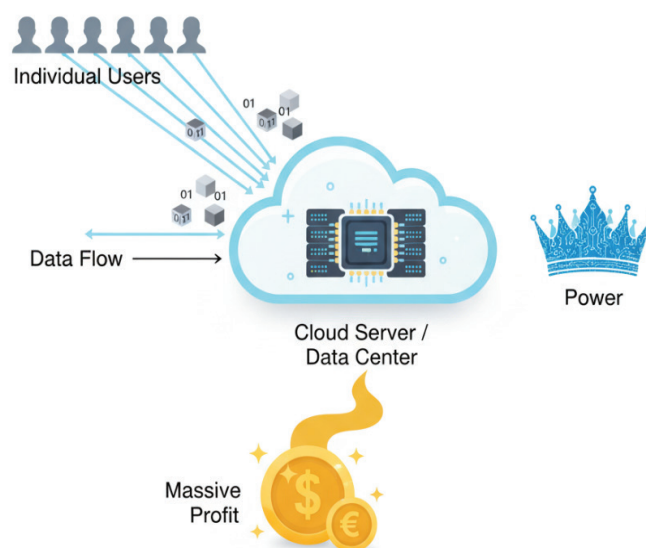
Dữ liệu đang nổi lên như một tư liệu sản xuất cốt lõi của kinh tế số, mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng tạo ra các xung đột lợi ích sâu sắc giữa người dùng, doanh nghiệp và Nhà nước. Xu hướng tập trung quyền lực dữ liệu vào các tập đoàn công nghệ lớn đã dẫn đến bất bình đẳng trong quyền tiếp cận và phân phối giá trị, nới rộng khoảng cách thu nhập và văn hóa số, đồng thời sinh ra những khái niệm mới như “lao động vô hình”. Bài viết này tập trung phân tích cơ sở lý luận về dữ liệu như tư liệu sản xuất mới, các dạng xung đột lợi ích phát sinh trong khai thác dữ liệu và hệ quả bất bình đẳng xã hội từ góc độ triết học và thực tiễn Việt Nam. Trên cơ sở đó, đưa ra các khuyến nghị nhằm phát triển kinh tế số công bằng và bền vững.



Tư liệu sản xuất truyền thống và sự chuyển đổi trong kỷ nguyên số

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác, “tư liệu sản xuất là điều kiện vật chất cần thiết để tổ chức sản xuất, bao gồm tư liệu lao động và đối tượng lao động” [1]. Đồng thời, “những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào” [2]. Trong kỷ nguyên số, dữ liệu không còn là thông tin thứ cấp mà đã trở thành một tư liệu sản xuất độc lập và thiết yếu. Các nhà khoa học đã chỉ ra hai đặc tính quyết định khiến dữ liệu trở nên khác biệt so với tư liệu vật chất truyền thống. Thứ nhất, khác với các tài nguyên vật chất truyền thống có tính hữu hạn, dữ liệu được tạo ra liên tục, có khả năng sao chép vô hạn và sử dụng đồng thời ở nhiều nơi mà không bị hao mòn giá trị. Thứ hai, giá trị dữ liệu thường phát sinh khi các tập dữ liệu khác nhau được hợp nhất - kết quả là lợi thế quy mô (scale effects) và sức mạnh mạng (network effects) gia tăng theo cấp số nhân, hậu quả là tích tụ sức mạnh trong tay những người kiểm soát hạ tầng dữ liệu và thuật toán [3].

Tuy nhiên, sự chuyển dịch này không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế; nó tái cấu trúc quan hệ quyền lực. Zuboff (2019) chứng minh cơ chế mà các công



Mô hình dòng dữ liệu (Data Flow) từ Người dùng cá nhân (Individual Users) về máy chủ/trung tâm dữ liệu (Cloud Server/Data Center) dẫn đến việc tập trung quyền lực (Power) và lợi nhuận khổng lồ (Massive Profit). Ảnh: TG.

ty công nghệ biến trải nghiệm người dùng thành “vật liệu thô” cho dự đoán hành vi (surveillance capitalism) [4], trong khi phân tích gần đây về “datafeudalism” [5] nhấn mạnh quá trình “phong kiến hóa” dữ liệu: Dữ liệu tập trung, độc quyền về truy cập và quyền tri thức, dẫn tới nguy cơ refeudalization của đời sống chính trị - kinh tế. Vì vậy, khi khẳng định dữ liệu “đã trở thành tư

liệu sản xuất độc lập”, cần đồng thời nhận diện hai giới hạn: (1) Giá trị dữ liệu không tự động hiện hữu, nó phụ thuộc vào hạ tầng, thuật toán và năng lực phân tích; (2) Quyền sở hữu, truy cập và quy chế pháp lý quyết định sự phân phối lợi ích và rủi ro xã hội [6].

Trong thời đại số, quyền kiểm soát dữ liệu trở thành một chỉ dấu quyền lực kinh tế - xã hội: Các tập đoàn công nghệ lớn không chỉ thu thập, lưu trữ và khai thác dữ liệu của hàng tỷ người dùng mà còn sở hữu quyền thiết kế cách dữ liệu được sử dụng. Đồng thời, dữ liệu mang tính cá nhân sâu sắc và liên quan đến bản sắc người dùng, dẫn đến những vấn đề nghiêm trọng về riêng tư, công bằng, đạo đức và phân phối quyền lợi. Điều này đòi hỏi hệ thống quản trị dữ liệu phải minh bạch, có trách nhiệm và công bằng.

Xung đột lợi ích phát sinh từ dữ liệu

Xung đột lợi ích giữa người tạo dữ liệu và người khai thác dữ liệu

Một trong những xung đột cốt lõi nhất trong nền kinh tế hiện đại xoay quanh vấn đề quyền sở hữu dữ liệu cá nhân. Vấn đề triết học đặt ra là: Ai thực sự sở hữu dữ liệu mà người dùng tạo ra - cá nhân hay nền tảng thu thập dữ liệu đó? Các lý thuyết truyền thống về quyền sở hữu (như của Locke về quyền sở hữu thông qua lao động) dường như không còn hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh dữ liệu được tạo ra như một sản phẩm phụ của tương tác [7]. Cơ chế phổ biến “miễn phí” của các dịch vụ số thực chất là một hình thức “hợp đồng ngầm”, nơi người dùng trả giá bằng dữ liệu cá nhân, nhưng không nhận được lợi ích rõ ràng về kinh tế hay quyền kiểm soát. Sự đồng thuận trong thu thập và sử dụng dữ liệu thường không minh bạch, khiến người dùng khó hiểu hoặc không thực sự tự nguyện.

Tình trạng mua bán dữ liệu cá nhân tràn lan là minh chứng rõ ràng cho xung đột này. Theo báo Pháp luật Việt Nam, trong 6 tháng đầu năm 2025, Bộ Công an đã phát hiện trên 110 triệu bản ghi dữ liệu cá nhân bị rao bán trái phép trên mạng, bao gồm thông tin về tài khoản ngân hàng, thông tin cá nhân cơ bản, số điện thoại, và thói quen tiêu dùng [8]. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã nỗ lực giải quyết, quy định

rằng, tổ chức, cá nhân xử lý dữ liệu cá nhân phải có sự đồng ý rõ ràng, cụ thể từ chủ thể dữ liệu trước khi xử lý. Tuy nhiên, việc thực thi và nâng cao nhận thức người dùng vẫn còn là thách thức. Ngoài những thể chế pháp luật, việc đào tạo con người và xây dựng văn hóa số lành mạnh và hài hòa cũng là những thách thức to lớn trong thời kỳ tới [9-11].

Xung đột lợi ích giữa các doanh nghiệp trong khai thác dữ liệu

Dữ liệu trở thành tư liệu sản xuất chủ chốt cũng tạo ra các mâu thuẫn nội bộ trong thị trường giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các tập đoàn công nghệ lớn với lượng dữ liệu khổng lồ so với doanh nghiệp nhỏ và startup. Khi dữ liệu trở thành tư liệu sản xuất cốt lõi, nó không chỉ là sự chuyển đổi về mặt công nghệ mà còn là một chuyển đổi quyền lực kinh tế. Nền tảng (platform) thường nắm giữ dữ liệu cá nhân lớn và sử dụng nó để thiết lập lợi thế độc quyền, khiến thị trường trở nên tập trung hơn [12].

Dữ liệu mang lại lợi thế chiến lược rõ rệt cho các doanh nghiệp. Không những thế, nhờ có dữ liệu, doanh nghiệp nắm bắt được xu hướng thị trường, phương thức hoạt động, nâng cao năng lực thích ứng, thay đổi cho phù hợp với thực tế hoặc thậm chí tạo thêm mô hình kinh doanh mới và dòng doanh thu mới. Điều này khẳng định quyền năng của dữ liệu trong việc định hình năng lực cạnh tranh và khả năng đổi mới của doanh nghiệp, từ đó củng cố vị thế độc quyền của những chủ thể kiểm soát nguồn dữ liệu dồi dào.

Việc “chia sẻ dữ liệu không đầy đủ” và “độc quyền giá cả” sẽ tạo điều kiện cho các tập đoàn lớn kiểm soát dữ liệu có thể định giá sản phẩm/dịch vụ của họ một cách không cạnh tranh, hoặc hạn chế quyền tiếp cận dữ liệu của các đối thủ, tạo ra lợi thế không công bằng [13].

Xung đột lợi ích giữa Nhà nước và các bên liên quan về dữ liệu

Vai trò của Nhà nước là cực kỳ quan trọng trong điều tiết phát triển kinh tế, bảo vệ lợi ích công cộng và quyền riêng tư cá nhân. Tuy nhiên, trong kỷ nguyên dữ liệu, sự cân bằng giữa an ninh quốc gia, phát triển kinh tế và quyền riêng tư trở nên phức tạp hơn. Nhà

nước cần xây dựng hành lang pháp lý hiệu quả để kiểm soát, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển, nhưng đồng thời phải bảo vệ quyền lợi người dân và chống độc quyền dữ liệu từ các tập đoàn. Ví dụ, Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mang lại nhiều lợi ích công cộng, nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro về bảo mật và quyền riêng tư cần được kiểm soát nghiêm ngặt. Việc duy trì trật tự, ổn định xã hội trong bối cảnh siêu kết nối và dữ liệu toàn cầu đang đặt ra thách thức to lớn cho Nhà nước trong quản trị hiệu quả và minh bạch dữ liệu, tránh lạm dụng quyền lực và bảo đảm công bằng xã hội.

Bất bình đẳng xã hội từ góc độ dữ liệu

Bất bình đẳng trong quyền tiếp cận và khai thác dữ liệu

Khoảng cách số vẫn là một vấn đề nổi bật tại Việt Nam, biểu hiện ở sự khác biệt đáng kể trong khả năng tiếp cận hạ tầng Internet, thiết bị công nghệ và kỹ năng số giữa các nhóm dân cư, vùng miền, thế hệ và tầng lớp xã hội. Giữa thành thị và nông thôn, hạ tầng và chất lượng dịch vụ số rất khác nhau, hạn chế cơ hội tiếp cận dịch vụ số chất lượng cao tại vùng sâu, vùng xa. Giữa thế hệ trẻ và người lớn tuổi có sự khác biệt lớn về khả năng áp dụng công nghệ và khai thác dữ liệu hiệu quả. Các nhóm thu nhập thấp, trình độ hạn chế khó tiếp cận công nghệ và kỹ năng số, ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội kinh tế và giáo dục.

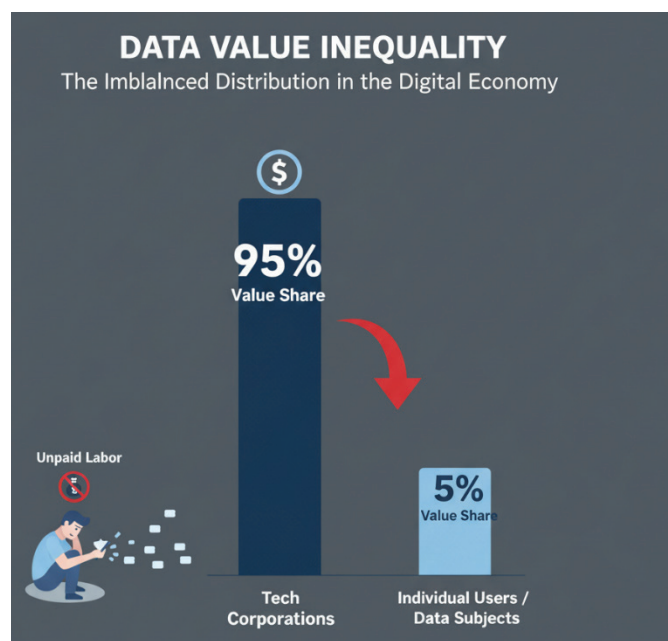
Khoảng cách số kéo theo những hậu quả nghiêm trọng đối với cơ hội việc làm, học tập và tham gia đời sống xã hội số, làm tăng nguy cơ bị bỏ lại phía sau trong nền kinh tế năng động hiện nay. Khi công nghệ ngày càng thiên về kỹ năng, chỉ những lao động có kỹ năng tốt mới có thể thích ứng và nâng cao năng suất, trong khi lao động có kỹ năng thấp lại khó bắt kịp, dẫn đến sự nới rộng khoảng cách thu nhập [7]. Đây chính là minh chứng cho việc khoảng cách về kỹ năng số, một phần của khoảng cách số trực tiếp ảnh hưởng đến sự bất bình đẳng thu nhập.

Bất bình đẳng trong phân phối giá trị từ dữ liệu

Phần lớn giá trị kinh tế từ dữ liệu được tập trung vào các tập đoàn công nghệ lớn và cổ đông của họ, trong khi những người tạo ra dữ liệu hoặc lao động

trong chuỗi giá trị dữ liệu ít được hưởng lợi tương xứng. Hiện tượng “lao động vô hình” từ người dùng trực tuyến, giá trị dữ liệu được khai thác và tạo ra lợi nhuận nhưng không phản ánh công bằng trong thu nhập hoặc quyền sở hữu là một hiện thực phức tạp [14]. Khi dữ liệu trở thành trung tâm sản xuất quyền lực, nó không chỉ sản sinh bất bình đẳng về kinh tế mà còn kiến tạo một tầng lớp dữ liệu mới, trong đó những người, doanh nghiệp hoặc nhóm xã hội sở hữu dữ liệu lớn hơn, hạ tầng mạnh hơn, kỹ năng phân tích và thuật toán vượt trội hơn sẽ hưởng lợi lớn hơn - trong khi nhóm ít quyền lực hơn bị loại khỏi các quyết định, bị giới hạn trong cách sử dụng và tiếp cận dữ liệu, và thường không có tiếng nói trong văn hóa số [15].

Sự phân hóa này không chỉ ảnh hưởng tới mức độ giàu nghèo mà lan tới “văn hóa số”: Ai được tham gia trong việc tạo, chia sẻ và định hình nội dung số; ai là người bản địa hóa công nghệ, ai là người bị đại diện một chiều; ai tiếp cận kiến thức số và ai chỉ là người tiêu dùng thụ động. Văn hóa số vì thế có thể trở thành yếu tố củng cố rào cản xã hội - về ngôn ngữ, giá trị, niềm tin, phong cách giao tiếp - những thứ mà nhóm kiểm soát dữ liệu sẽ quyết định nhiều hơn. Do đó, bất bình đẳng dữ liệu vừa là bất bình đẳng quyền lực vừa là bất bình đẳng văn hóa [6].



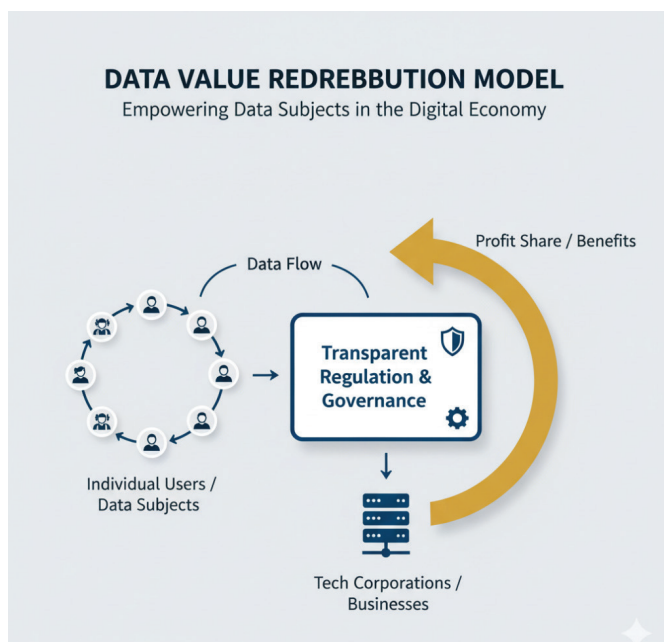
Bất bình đẳng về giá trị dữ liệu (Data Value Inequality) thể hiện sự phân phối không cân bằng trong kinh tế số. Ảnh: TG.

Sự trỗi dậy của dữ liệu như một tư liệu sản xuất mới đang tái định hình nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, để hiện thực hóa tiềm năng phát triển, cần phải giải quyết triệt để các xung đột lợi ích và bất bình đẳng vốn đang tồn tại. Để phát triển kinh tế số bền vững và công bằng, khung quản trị dữ liệu minh bạch, có trách nhiệm và hiệu quả từ phía Nhà nước là vô cùng cần thiết. Trong đó, việc tiếp thu và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong định hình kinh tế số là yêu cầu căn bản trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Kiến nghị

Trên cơ sở phân tích về xung đột lợi ích và bất bình đẳng xã hội do dữ liệu mang lại, chúng tôi đề xuất các kiến nghị sau nhằm thiết lập khung quản trị dữ liệu minh bạch, có trách nhiệm, hướng tới phát triển kinh tế số công bằng và bền vững.

Một là, quyền sở hữu dữ liệu cần được định nghĩa rõ ràng, bao gồm quyền của người dùng/chủ thể dữ liệu được công nhận hợp pháp và được chia sẻ lợi tức từ việc thương mại hoá dữ liệu.



Mô hình Tái phân phối giá trị dữ liệu đề xuất một khung quản lý và quản trị minh để công nhận và chia sẻ lợi tức/lợi ích từ doanh nghiệp/tập đoàn công nghệ ngược lại cho người dùng/chủ thể dữ liệu cá nhân. Ảnh: TG.



Khung công lý số nhằm cân bằng đổi mới với giá trị con người trong kỷ nguyên số. Ảnh: TG.

Hai là, cơ chế trao đổi dữ liệu cần công khai, minh bạch qua các sàn giao dịch dữ liệu, với sự giám sát của Nhà nước để bảo vệ quyền lợi của người tạo dữ liệu và quyền riêng tư cá nhân.

Ba là, các thể chế pháp luật cần rõ ràng về trách nhiệm của chủ sở hữu dữ liệu, người quản lý dữ liệu và các bên trung gian, để tránh khai thác lao động dữ liệu vô hình và đảm bảo tính công bằng trong phân phối.

Bốn là, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, công nghệ dữ liệu và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số để người dân cũng như doanh nghiệp nhỏ có thể tham gia vào chuỗi giá trị số một cách hiệu quả.

Năm là, tích hợp các quan điểm lý thuyết như phân tích giá trị dữ liệu, hay giá trị thặng dư của dữ liệu, lao động vô hình, thiết kế nền tảng có tính đạo đức và trách nhiệm để đảm bảo quyền sở hữu, phân phối thu nhập và kiểm soát công nghệ không trở thành công cụ củng cố bất bình đẳng xã hội.

Thực tiễn cho thấy Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc thiết lập hành lang pháp lý về dữ liệu. Cụ thể, Chính phủ đã ban hành Nghị định

số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023 về Bảo vệ dữ liệu cá nhân, lần đầu tiên tạo ra một khung pháp lý toàn diện, chặt chẽ để bảo vệ quyền của chủ thể dữ liệu. Đặc biệt hơn, Quốc hội đã thông qua Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15) vào ngày 30/11/2024, có hiệu lực từ 01/7/2025, nhằm quản lý toàn bộ chu trình dữ liệu số, từ xây dựng, phát triển, đến khai thác và sử dụng. Sự ra đời của các văn bản quan trọng này đã thiết lập một khung quản lý dữ liệu minh bạch, có trách nhiệm, mở ra cơ hội then chốt để triển khai hiệu

quả các khuyến nghị như trên nhằm cân bằng xung đột lợi ích và giảm bất bình đẳng dữ liệu. Việc thu hẹp khoảng cách số, tạo điều kiện và trao quyền cho người dân để họ trở thành những chủ thể tích cực trong sáng tạo và hưởng lợi từ dữ liệu sẽ là chìa khóa để Việt Nam khai thác được toàn bộ giá trị của nguồn tài nguyên quý giá này, hướng tới một tương lai phát triển bao trùm cho tất cả mọi người, phát triển bền vững văn hóa kinh tế số ✍

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [2] C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập, Tập 23, Nxb Chính trị quốc gia.
- [3] C.V. Laamanen, M.T. Lehtiniemi (2025), "Towards Algorithmic Luddism: Class politics in data capitalism, *Information, Communication & Society*, **28(6)**, pp.971-988.
- [4] C.I. Jones (2020), "Nonrivalry and the Economics of Data", *American Economic Review*.
- [5] Chính phủ (2023), *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân*.
- [6] D.M, B.P. M. Romero (2024), "Digital acculturation in the Era of artificial intelligence, *Creative Applications of Artificial Intelligence in Education*, pp.45-56, Springer Nature Switzerland Cham.
- [7] T.K. Hoang, Q.H. Le (2024), "The impact of technical change on income inequality in Vietnam", *Journal of Economics and Development*, **26(4)**, pp.329-345.
- [8] N. Mai (2025), "Kho dữ liệu người Việt bị rao bán: Đây là trách nhiệm của nền tảng số?", *Báo Pháp Luật Việt Nam*, <https://baophapluat.vn/kho-du-lieu-nguoi-viet-bi-rao-ban-dau-la-trach-nhiem-cua-nen-tang-so.html>, truy cập ngày 20/10/2025.
- [9] M.T. Ho, P.T. Luu (2024), "Social philosophies in Japan's vision of human-centric Society 5.0 and some recommendations for Vietnam", *Vietnamese Journal of Philosophy*, **2(68)**, pp.48-59.
- [10] M.T. Ho, V.H. Nguyen (2023a), "Công bằng trong giáo dục trước ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo", *Tạp chí Thông Tin và Truyền Thông*, **11**.
- [11] M.T. Ho, H.K.T. Nguyen (2023b), "From the eco-calypse to the infocalypse: The importance of building a new culture for protecting the infosphere", *AI & SOCIETY*.
- [12] A. Marciano, A. Nicita, G.B. Ramello (2020), Big data and big techs: Understanding the value of information in platform capitalism", *European Journal of Law and Economics*, **50(3)**, pp.345-358.
- [13] D. Xie, W. Wenshi, L. Yao (2023), "A General Theory of digital economy: The world after Turing", *SSRN Electronic Journal*.
- [14] K. Gruszka, A. Pillinger, S. Gerold (2024), "Design: An Analysis of a domestic labor platform", *Critical Sociology*.
- [15] C.S. Garcisa (2024), "Datafeudalism: The domination of modern societies by big tech companies", *Philosophy & Technology*, **37(3)**.